NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /2025/TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2025*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước v/v quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật hiện hành khác hướng dẫn thực hiện;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á;*
- *Căn cứ nhu cầu thực tiễn hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB).*

Để nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động nhằm mục tiêu phát triển kinh doanh và đáp ứng các chỉ tiêu an toàn hoạt động của VAB; Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á (HĐQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2025, cụ thể như sau:

I. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mức vốn điều lệ tăng thêm

• Vốn điều lệ hiện tại:	5.399.600.430.000 đồng *(Năm nghìn ba trăm chín mươi chín tỷ, sáu trăm triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng)*. Trong đó: Tổng số cổ phần phổ thông là: 539.960.043 *(Năm trăm ba mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, không trăm bốn mươi ba)* cổ phần, số cổ phần ưu đãi là: 0 (không), số lượng cổ phiếu quỹ là: 0 (không).
• Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	6.182.757.280.000 đồng *(Sáu nghìn một trăm tám mươi hai tỷ, bảy trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).*

- Vốn điều lệ sau khi tăng: 11.582.357.710.000 đồng *(Mười một nghìn năm trăm tám mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm mười nghìn đồng chẵn).*

2. Hình thức và phương án phát hành

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: tổng giá trị cổ phiếu dự kiến tăng thêm (theo mệnh giá): 2.850.989.030.000 đồng *(Hai nghìn tám trăm năm mươi tỷ, chín trăm tám mươi chín triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng chẵn),* tương đương tỷ lệ phát hành tối đa 52,8%.

- Phát hành cổ phiếu chào bán cho người lao động: 200.000.000.000 đồng *(Hai trăm tỷ đồng chẵn).*

- Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu (theo mệnh giá): 3.131.768.250.000 đồng *(Ba nghìn, một trăm ba mươi mốt tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn),* tương đương tỷ lệ phát hành là 58% số cổ phần tại thời điểm lưu hành.

(Nội dung chi tiết được trình bày tại Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 kèm theo tờ trình này).

3. Thời gian thực hiện phát hành: Thời điểm cụ thể do HĐQT quyết định dự kiến trong năm 2025 hoặc cho đến khi VAB hoàn thành các thủ tục theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ:

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: Nguồn lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia (theo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính thời điểm 31/12/2024) và quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ phù hợp với quy định pháp luật.

- Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: Nguồn từ chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

5. Danh sách cổ đông cá nhân và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu trên 5% so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông là tổ chức và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu trên 10% so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần trên 15% so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: *(Chi tiết theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 kèm theo tờ trình này).*

6. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông VAB thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 và dự kiến sau khi tăng vốn: *(Chi tiết theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 kèm theo tờ trình này).*

7. Đăng ký cổ phiếu, đăng ký giao dịch bổ sung

Đăng ký bổ sung cổ phiếu tại Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu được thực hiện tại Sở giao dịch chứng

khoán Hà Nội (HNX) hoặc Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) sau khi hoàn thành việc niêm yết trên sàn chứng khoán.

8. Kế hoạch sử dụng vốn và kế hoạch kinh doanh dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ. *(Thông tin chi tiết được trình bày tại Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 kèm theo tờ trình này).*

II. NỘI DUNG KÍNH TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trên cơ sở các nội dung trình bày nêu trên, HĐQT kính trình Đại hội đồng Cổ đông:

1. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 với số vốn điều lệ tối đa dự kiến sau khi hoàn tất việc tăng vốn điều lệ năm 2025 là: 11.582.357.710.000 đồng *(Mười một nghìn năm trăm tám mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm mười nghìn đồng chẵn).*
2. Đồng thời để thuận lợi cho quá trình triển khai công việc nhanh chóng, hiệu quả, Hội đồng Quản trị kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị hiệu chỉnh/hoàn chỉnh và/hoặc phê duyệt toàn bộ Phương án tăng vốn điều lệ nêu trên (nếu phải chỉnh sửa), phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của VAB, phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của cổ đông, đồng thời tiến hành trình các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật. Bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau đây:
   - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của VAB, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
   - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
   - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện phát hành cổ phiếu chào bán cho người lao động, xây dựng và ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động; Quyết định tiêu chuẩn, các thỏa thuận, cam kết và danh sách thành viên đủ điều kiện tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
   - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án tăng vốn điều lệ theo thực tế triển khai và theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; xây dựng, chỉnh sửa và giải trình hồ sơ, thủ tục liên quan đến đợt phát hành theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan quản lý có thẩm quyền.
   - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị quyết định triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan, quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định pháp luật và quy định nội bộ.
   - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên;

- Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục xin chấp thuận, đăng ký tăng vốn điều lệ liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên tại Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.
- Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện thay đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của VAB theo quy định của pháp luật.
- Chủ động quyết định các nội dung, công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./

Nơi nhận:
- *Quý Cổ đông;*
- *TV HĐQT, BKS;*
- *Lưu VP.HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phương Thành Long

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2025

PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2025

(Kèm theo tờ trình số: .../2025/TTr-HĐQT)

- *Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành "Luật các TCTD";*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 "Luật Doanh nghiệp";*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 "Luật Chứng khoán";*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước v/v quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật hiện hành khác hướng dẫn thực hiện;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB).*

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

- Nâng cao năng lực tài chính, quy mô và chất lượng tài sản sinh lời, tăng cường khả năng đầu tư tài sản và đầu tư kinh doanh, nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ cho chiến lược mở rộng hoạt động của VAB.
- Tăng cường năng lực cạnh tranh để phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập và mở cửa lĩnh vực ngân hàng – tài chính, nâng cao khả năng chống đỡ với các rủi ro trong hoạt động và đáp ứng ngày càng tốt hơn các chỉ tiêu đảm bảo an toàn trong hoạt động.
- Mở rộng, nâng cấp hệ thống mạng lưới các Chi nhánh, Phòng giao dịch; Đầu tư vào các dự án chiến lược của ngân hàng.

II. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến

1.1. Mức vốn điều lệ tăng thêm

Vốn điều lệ hiện tại:	5.399.600.430.000 đồng *(Năm nghìn ba trăm chín mươi chín tỷ, sáu trăm triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).* Trong đó, tổng số cổ phần phổ thông là: 539.960.043 (*Năm trăm ba mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, không trăm bốn mươi ba*) cổ phần, số cổ phần ưu đãi là: 0 (không), số lượng cổ phiếu quỹ là: 0 (không).

Vốn điều lệ tăng thêm	6.182.757.280.000 đồng *(Sáu nghìn một trăm tám mươi hai tỷ, bảy trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).*
Vốn điều lệ sau khi tăng:	11.582.357.710.000 đồng *(Mười một nghìn năm trăm tám mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm mười nghìn đồng chẵn).*

1.2. Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ:

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: Nguồn lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (theo kết quả Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024) phù hợp với quy định pháp luật.
- Phát hành cổ phiếu chào bán cho người lao động: Nguồn từ chào bán cổ phần cho người lao động VAB.
- Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: Nguồn từ chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

1.3. Kế hoạch thực hiện: Thời điểm tăng vốn cụ thể do HĐQT quyết định sau khi được sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

1.4. Thời gian dự kiến hoàn thành tăng vốn điều lệ: Trong vòng 12 tháng kể từ ngày VAB được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ.

2. Chi tiết phương án phát hành.

2.1. *Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và lợi nhuận còn lại chưa phân phối:*

1	Tổ chức phát hành	Ngân hàng TMCP Việt Á.
2	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á.
3	Mã cổ phiếu	VAB.
4	Loại cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng.
5	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu.
6	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	Tối đa 285.098.903 cổ phiếu.
7	Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	Tối đa 2.850.989.030.000 đồng *(Hai nghìn tám trăm năm mươi tỷ, chín trăm tám mươi chín triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).*
8	Mục đích phát hành	Tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu
9	Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu của VAB tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền.
10	Tỷ lệ thực hiện	Tối đa 52,8%. Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 52,8 cổ phiếu mới.

11	Phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm khi chia cho các Cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy.
12	Nguồn thực hiện	Nguồn lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (theo kết quả Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024) phù hợp với quy định pháp luật.
13	Tổng số cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành	825.058.946 cổ phiếu.
14	Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành	8.250.589.460.000 đồng *(Tám nghìn hai trăm năm mươi tỷ, năm trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).*
15	Thời gian thực hiện dự kiến	Thời gian cụ thể sẽ do HĐQT VAB quyết định sau khi được NHNN và UBCKNN chấp thuận.
16	Thời gian dự kiến hoàn thành	Trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm VAB được NHNN và UBCKNN chấp thuận phương án phát hành.
17	Cam kết đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức	VAB cam kết đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Cổ phiếu phát hành mới sẽ được đăng ký lưu ký tại VSDC và đăng ký giao dịch tại hệ thống giao dịch Upcom hoặc Sở giao dịch chứng khoán theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông và tình hình đăng ký giao dịch/niêm yết chứng khoán của VAB tại thời điểm thực tế triển khai phương án tăng vốn điều lệ.

2.2. *Phát hành cổ phiếu chào bán cho người lao động*

1	Tổ chức phát hành	Ngân hàng TMCP Việt Á (Ngân hàng VAB)
2	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB)
3	Loại cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu phổ thông
4	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
6	Tỷ lệ phát hành	3,70%
7	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành ESOP	20.000.000 cổ phiếu
8	Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá cổ phiếu	200.000.000.000 đồng

9	Thời gian dự kiến hoàn thành chương trình ESOP	Trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm được NHNN và UBCKNN chấp thuận phương án phát hành ESOP
10	Đối tượng được mua theo chương trình ESOP	Người lao động của VAB theo danh sách được Hội đồng Quản trị phê duyệt
11	Giá phát hành (dự kiến)	10.000 đồng/cổ phiếu
12	Hạn chế chuyển nhượng	Thời gian hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Thời gian hạn chế chuyển nhượng do Hội đồng Quản trị quyết định
13	Phương án xử lý số cổ phần không phân phối hết	Đối với số lượng cổ phiếu ESOP còn thừa do cá nhân từ chối mua toàn bộ (chỉ mua một phần cổ phiếu được quyền mua hoặc không có nhu cầu mua) hoặc số cổ phiếu lẻ do làm tròn sau khi tính toán phân phối, HĐQT sẽ quyết định phương án xử lý, ưu tiên Công đoàn hoặc các tổ chức đoàn thể của Ngân hàng VAB được mua (nếu có nhu cầu)
14	Chuyển nhượng quyền mua cổ phần ESOP	Cán bộ, nhân viên đủ điều kiện tham gia chương trình ESOP không có nhu cầu mua được phép chuyển nhượng quyền mua cho người khác. Tuy nhiên chỉ được quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho những cá nhân khác có đủ điều kiện tham gia chương trình theo Quy định
15	Xử lý cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP trong trường hợp người lao động nghỉ việc	Do Hội đồng Quản trị quyết định.

2.3. ***Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu:***

TT	Nội dung	Thông tin
1	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu NHTMCP Việt Á
2	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông.
3	Mã cổ phiếu	VAB
4	Mệnh giá	10.000 đồng *(Mười nghìn đồng)*/cổ phiếu.
5	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	Tối đa 313.176.825 cổ phiếu
6	Tỷ lệ thực hiện quyền	**100:58** *tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 100 quyền mua, 100 quyền mua được quyền mua 58 cổ phiếu mới)*

TT	Nội dung	Thông tin
7	Tổng giá trị phát hành dự kiến	3.131.768.250.000 đồng *(Ba nghìn, một trăm ba mươi mốt tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)*
8	Tổng số cổ phiếu sau khi phát hành	1.158.235.771 cổ phiếu
9	Vốn điều lệ sau khi phát hành	11.582.357.710.000 đồng *(Mười một nghìn năm trăm tám mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm mười nghìn đồng chẵn)*
10	Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ phiếu do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp ("Danh sách")
11	Hình thức phát hành	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
12	Giá phát hành	Dự kiến 10.000 đồng/cổ phiếu
13	Chuyển nhượng quyền mua	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (*người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng quyền mua cho người thứ ba*) Cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt quá tỷ lệ sở hữu cổ phần vượt quá tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 63 Luật các TCTD số 32/2024/QH15 chuyển nhượng quyền mua đối với phần cổ phần vượt quá tỷ lệ quy định Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thực hiện thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng
14	Phương thức làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông nhận được khi phát hành sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) phát sinh sẽ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn phân phối cho các nhà đầu tư khác theo quy định Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 101 cổ phiếu, cổ đông A sẽ được nhận 101 quyền mua, số cổ phiếu

TT	Nội dung	Thông tin
		mới được mua tương ứng với số quyền mua được tính như sau: 101 : 100 x 58 = 58,58 cổ phiếu mới. Trường hợp này, Cổ đông Nguyễn Văn A được quyền mua 58 cổ phiếu mới; 0,58 cổ phiếu lẻ sẽ được HĐQT lựa chọn phân phối cho các nhà đầu tư khác phù hợp với quy định.
15	Xử lý cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu của cổ đông có tỷ lệ sở hữu vượt quy định của Luật các TCTD	Số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu vượt tỷ lệ thuộc sở hữu của cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu vượt quá quy định của Điều 63 Luật các TCTD số 32/2024/QH15 nhưng không chuyển quyền mua sẽ được HĐQT phân phối lại cho các Nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác có nhu cầu mua thêm) với giá phát hành không thấp hơn mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo phân phối hết toàn bộ số cổ phiếu được phát hành Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết: ✓ Có năng lực tài chính tốt, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với ngành nghề hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; ✓ Đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ sở hữu tại quy định của Luật các TCTD số 32/2024/QH15; ✓ Có kinh nghiệm tư vấn, hỗ trợ Ngân hàng về mặt quản trị điều hành, thị trường, kỹ thuật, công nghệ và hỗ trợ Ngân hàng phát triển hoạt động kinh doanh; ✓ Nhà đầu tư đáp ứng quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật doanh nghiệp năm 2020. Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền, cổ phiếu lẻ đáp ứng các quy định tại Khoản 3 Điều 42 nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Trong trường hợp HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng cổ phiếu này sẽ được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành
16	Chào mua công khai	Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc Nhà đầu tư khi thực hiện mua số cổ phiếu do cổ đông không đăng ký mua hoặc không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ không

TT	Nội dung	Thông tin
		phải thực hiện thủ tục chào mua công khai trong trường hợp Chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán
17	Hạn chế chuyển nhượng	- Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu mua theo quyền mua hoặc cổ phiếu của nhà đầu tư mua do thực hiện quyền mua được mua lại từ cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng - Số cổ phiếu lẻ được HĐQT phân phối lại cho nhà đầu tư khác sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 4 điều 42 nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán - Số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua được HĐQT phân phối lại cho các nhà đầu tư khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 điều 42 nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
18	Thời gian dự kiến phát hành	Năm 2025
19	Đăng ký và Niêm yết cổ phần phát hành thêm	Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký tập trung và đăng ký niêm yết bổ sung theo đúng quy định

2.4. Thông tin về nguồn vốn chủ sở hữu tại báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	BCTC riêng lẻ	BCTC hợp nhất	Số tiền sử dụng để tăng VĐL
I	**Vốn chủ sở hữu**	**8.797.270.267.902**	**8.856.677.552.392**	
1	**Vốn của tổ chức tín dụng**	5.399.712.500.351	5.399.712.500.351	
1.1	*Vốn điều lệ*	*5.399.600.430.000*	*5.399.600.430.000*	
1.2	*Thặng dư vốn cổ phần*	*98.600.000*	*98.600.000*	
1.3	*Vốn khác*	*13.470.351*	*13.470.351*	
2	**Quỹ của tổ chức tín dụng**	**608.958.168.929**	**620.146.137.521**	
2.1	*Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ*	*160.197.399.565*	*163.926.722.429*	
2.2	*Quỹ dự phòng tài chính*	*448.760.769.364*	*456.219.415.092*	
3	**Chênh lệch tỷ giá hối đoái**	-	-	

TT	Chỉ tiêu	BCTC riêng lẻ	BCTC hợp nhất	Số tiền sử dụng để tăng VĐL
4	**Lợi nhuận chưa phân phối**	**2.788.599.598.622**	**2.836.818.914.520**	
4.1	*Lợi nhuận năm trước chưa chia*	*1.954.077.869.061*	*1.969.794.012.661*	
4.2	*Lợi nhuận tăng trong năm*	*834.521.729.561*	*867.024.901.859*	
5	**Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận**	**182.075.229.388**	**182.075.229.388**	
5.1	*Quỹ bổ sung vốn điều lệ*	*86.702.490.185*	*86.702.490.185*	
5.2	*Quỹ dự phòng tài chính*	*86.702.490.185*	*86.702.490.185*	
5.3	*Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi*	*8.670.249.018*	*8.670.249.018*	
6	**Nguồn có thể sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ**	**2.853.424.258.983**	**2.905.372.897.745**	**2.850.989.030.000**
6.1	*Nguồn từ Lợi nhuận chưa chia*	*2.606.524.369.233*	*2.654.743.685.131*	*2.604.089.140.250*
6.2	*Nguồn từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ*	*246.899.889.750*	*250.629.212.614*	*246.899.889.750*

- Như vậy, nguồn vốn còn lại có thể sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của VAB là 2.853.424.258.983 đồng (theo báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2024 của VAB đã được kiểm toán). Nguồn vốn để thực hiện tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không vượt quá nguồn có thể sử dụng để tăng vốn điều lệ trên báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2024 của VAB đã được kiểm toán.

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của VAB là nguồn lợi nhuận giữ lại sau khi VAB đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đã trích lập đủ các quỹ của Ngân hàng theo quy định và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB; đồng thời, ngay sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, VAB vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Do đó, việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của VAB đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 135 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản khác có liên quan.

2.5. Danh sách cổ đông cá nhân và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu trên 5% so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông là tổ chức và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu trên 10% so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần trên 15% so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: *Chi tiết tại Phụ lục 01, 02 đính kèm.*

2.6. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông VAB thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 và dự kiến sau khi tăng vốn: *Phụ lục 03 đính kèm.*

- Thông tin, số liệu trình bày tại mục 2.2 và 2.3 của Phương án tăng vốn điều lệ 2025 tạm tính theo thông tin do Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2025 và

VAB sẽ cập nhật chính xác tại thời điểm VAB chính thức thực hiện Phương án tăng vốn năm 2025 sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và nhận được thông tin danh sách từ VSDC.

III. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SAU KHI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Bảng cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn năm 2025

Đơn vị: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng /Giảm	%Tăng /Giảm
TÀI SẢN				
Tiền mặt. vàng bạc. đá quý	**333**	**347**	**14**	**4,3%**
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	**1.308**	**1.729**	**421**	**32,2%**
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	**17.689**	**11.949**	**(5.740)**	**-32,5%**
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản TC khác	**-**		**-**	
Cho vay khách hàng *(bao gồm dự phòng rủi ro)*	**79.157**	**86.707**	**7.550**	**9,5%**
Chứng khoán đầu tư	**14.133**	**18.885**	**4.752**	**33,6%**
Góp vốn. đầu tư dài hạn	**83**	**83**	**-**	**-0,5%**
Tài sản cố định	**236**	**260**	**24**	**10,0%**
Tài sản Có khác	**6.894**	**8.422**	**1.528**	**22,2%**
TỔNG TÀI SẢN CÓ	**119.833**	**128.381**	**8.548**	**7,1%**
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	**2.089**	**2.000**	**(89)**	**-4,3%**
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	**14.106**	**10.995**	**(3.111)**	**-22,1%**
Tiền gửi của khách hàng	**90.289**	**97.007**	**6.718**	**7,4%**
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ TC khác	**9**	**-**	**(9)**	**-100%**
Phát hành giấy tờ có giá	**2.145**	**4.000**	**1.855**	**86,5%**
Các khoản nợ khác	**2.338**	**1.205**	**(1.133)**	**-48,4%**
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**110.976**	**115.207**	**4.231**	**3,8%**
Vốn chủ sở hữu	**8.857**	**13.174**	**4.317**	**48,7%**
Vốn của tổ chức tín dụng	5.400	11.582	6.182	114,5%
Vốn điều lệ	*5.400*	*11.582*	*6.182*	*114,5%*
Quỹ của tổ chức tín dụng	620	547	(73)	-11,8%
Lợi nhuận chưa phân phối	2.837	1.045	-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	**119.834**	**128.381**	**8.547**	**7,1%**

2. Một số chỉ số an toàn hoạt động năm 2025

Đơn vị: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	*Thực hiện 2024*	*Kế hoạch 2025*
2.1. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (TT41)		
Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ	9,26%	≥ 8%
Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất	9,32%	≥ 8%
2.2. Giới hạn cấp tín dụng		
Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng/vốn tự có	9,29%	≤ 14%
Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan/vốn tự có	17,60%	≤ 23%

Chỉ tiêu	*Thực hiện 2024*	*Kế hoạch 2025*
2.3. Tỷ lệ về khả năng chi trả		
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	12,41%	≥ 10%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với đồng Việt Nam	57,37%	≥ 50%
2.4. Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn	**12,02%**	**≤ 30%**
2.5. Tối đa mua đầu tư trái phiếu Chính phủ so với nguồn vốn ngắn hạn bình quân tháng liền kề trước	**5,12%**	**≤ 30%**
2.6. Giới hạn góp vốn. mua cổ phần		
Mức góp vốn. mua cổ phần của VAB và các công ty con. công ty liên kết /VĐL của doanh nghiệp nhận vốn góp	≤ 11%	≤ 11%
Tổng mức góp vốn. mua cổ phần vào các doanh nghiệp / Vốn điều lệ và quỹ dự trữ của VAB	11,38%	≤ 40%
2.7. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	**76,44%**	**≤ 85%**

- Ngoài các chỉ tiêu tỷ lệ bảo đảm an toàn nêu trên. VAB cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định khác của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng.

3. Khả năng quản trị. giám sát của VAB

- Vốn điều lệ tăng thêm đòi hỏi công tác quản trị. quản lý. giám sát của VAB cũng phải nâng lên một tầm cao mới. Các thành viên HĐQT. Ban kiểm soát đều có uy tín. trình độ. kinh nghiệm quản trị ngân hàng và có nhiều tâm huyết. đóng góp vào sự phát triển của ngân hàng. VAB luôn đảm bảo số lượng thành viên HĐQT và thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ các mảng hoạt động của Ngân hàng nhằm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và của ngành. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ thường trực. Với cơ chế quản trị và điều hành thống nhất. phối hợp thường xuyên và hiệu quả giữa hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong điều hành hoạt động kinh doanh là yếu tố quan trọng giúp VAB phát triển nhanh và vững chắc.

- VAB đã thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro trực thuộc HĐQT thực hiện nhiệm vụ giám sát toàn bộ công tác quản trị rủi ro trên mọi lĩnh vực hoạt động của ngân hàng. Đồng thời. tham mưu cho HĐQT các chính sách. biện pháp khắc phục và phòng ngừa rủi ro. nâng cao hiệu quả công tác quản trị điều hành Ngân hàng. Ủy ban ALCO của VAB thực hiện việc quản trị rủi ro hoạt động. thanh khoản. lãi suất. đầu tư.

- Ban Kiểm soát hoạt động độc lập. có bộ phận giúp việc là kiểm toán nội bộ. Phòng Kiểm toán nội bộ kiểm tra. giám sát hoạt động của từng bộ phận nghiệp vụ/đơn vị kinh doanh và đã kiến nghị. đưa ra các ý kiến để Ban điều hành kịp thời có các biện pháp chấn chỉnh. khắc phục trong hoạt động ngân hàng.

- Ban điều hành VAB là những người có năng lực và kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng. hoạt động điều hành việc thực hiện kế hoạch kinh doanh một cách tập trung và đề ra biện pháp chỉ đạo phù hợp. kịp thời. Ngoài ra. Khối Quản trị rủi ro thực hiện việc phân

tích. đánh giá và đưa ra những đề xuất cho công tác kiểm soát rủi ro của ngân hàng trong từng hoạt động nghiệp vụ.

- Các thành viên HĐQT. Ban Kiểm soát có năng lực. đoàn kết. có ý thức chấp hành luật pháp và luôn có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ. quyền hạn trong việc quản trị và điều hành hoạt động của VAB.

- Hiện nay. hệ thống công nghệ thông tin của VAB đã được trang bị phần mềm lõi CoreBanking. liên tục được nâng cấp và hoàn chỉnh để đáp ứng tối đa các ứng dụng của công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng.

PHỤ LỤC 1A

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU TĂNG VỐN

Stt	Tên	Địa chỉ	CMND/CCCD/HC/Mã số doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật	Trước tăng vốn		Dự kiến sau tăng vốn		Ghi chú
				Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau tăng vốn (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ sau tăng vốn (%)	
	Không phát sinh					Tối đa 5%	Tối đa 5%	
Tổng cộng								

PHỤ LỤC 1B

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 10% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU TĂNG VỐN

Stt	Tên	Địa chỉ	CMND/CCCD/ HC/ Mã số doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật	Trước tăng vốn		Dự kiến sau tăng vốn		Ghi chú
				Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau tăng vốn (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ sau tăng vốn (%)	
1	Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư Việt Phương			12,21	12,21	Tối đa 10%	Tối đa 10%	Tuân thủ giới hạn tỷ lệ sở hữu
Tổng cộng				**12,21**	**12,21**	Tối đa 10%	Tối đa 10%	Tuân thủ giới hạn tỷ lệ sở hữu

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN TỪ 15% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU TĂNG VỐN

Stt	Tên	Địa chỉ	CMND/CCCD/HC/ Mã số doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật	Trước tăng vốn		Dự kiến sau tăng vốn		Ghi chú
				Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau tăng vốn (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ sau tăng vốn (%)	
1	Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư Việt Phương và người liên quan			17,49	17,49	Tối đa 15%	Tối đa 15%	Tuân thủ giới hạn tỷ lệ sở hữu
2	Cổ đông Phương Hữu Việt và người có liên quan			17,28	17,28	Tối đa 15%	Tối đa 15%	Tuân thủ giới hạn tỷ lệ sở hữu

PHỤ LỤC 3

THÔNG TIN VỀ TỔNG MỨC SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI THỜI ĐIỂM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VAB THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2025 VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN

Stt	Tên	Địa chỉ	CMND/CCCD /HC/Mã số doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật	Trước tăng vốn		Dự kiến sau tăng vốn		Ghi chú
				Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau tăng vốn (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ sau tăng vốn (%)	
1	Cổ đông cá nhân			0,01	0,01	0,01	0,01	
2	Cổ đông tổ chức			0,22	0,22	0,21	0,21	
Tổng cộng				**0,23**	**0,23**	**0,22**	**0,22**	Tuân thủ giới hạn tỷ lệ sở hữu